UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THẲNG VÀO CAO ĐẲNG NĂM 2014

STT	Họ và tên		Dân tộc	Nữ	Ngày sinh	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	Ngành học	Học lực						Xếp loại TN	TB THPT
								LỚP 10		LỚP 11		LỚP 12			
1	Phạm Thị Vân	Anh	Kinh	x	20/04/1996	Ia Grai, Gia Lai	Điều dưỡng	Khá	7.2	Khá	7.0	Khá	7.4	Khá	7.2
2	Nguyễn Hải	Bình	Kinh		21/07/1995	Ngọc Hồi - Kon Tum	Điều dưỡng	TB	5.2	TB	5.2	TB	5.6	TB	5.3
3	Hoàng Văn	Dương	Tày		26/08/1994	Sông Hinh, Phú Yên	Điều dưỡng	TB	6.0	TB	6.1	TB	6.4	TB	6.2
4	Phan Thị	Hằng	Kinh	x	22/02/1996	Ia Grai, Gia Lai	Điều dưỡng	TB	6.4	TB	6.6	TB	6.9	TB	6.6
5	Ndu	Hlan	Mơ Nông	x	04/01/1996	Đam Rông, Lâm đồng	Điều dưỡng	TB	5.9	TB	5.8	TB	5.8	TB	5.8
6	Kpuih	Leo	Jrai	x	27/03/1996	Chư Prông, Gia Lai	Điều dưỡng	TB	6.2	TB	6.2	TB	6.3	TB	6.2
7	Ksor	Quynh	Jrai		10/11/1996	Krông Pa, Gia Lai	Điều dưỡng	Khá	7.5	Khá	7.3	Khá	7.0	Khá	7.3
8	Nguyễn Thị	Trang	Kinh	x	07/10/1996	Ngọc Hồi - Kon Tum	Điều dưỡng	Khá	6.6	Khá	7.1	Khá	7.3	Khá	7.0
9	Bùi Ngọc Cẩm	Trinh	Kinh	x	20/09/1996	Sơn Hà, Quảng Ngãi	Điều dưỡng	Khá	6.8	Khá	6.6	Khá	7.0	Khá	6.8
10	Đặng Thúy	Hằng	Kinh	x	26/10/1996	Quan Sơn, Thanh Hóa	Dược	Khá	6.8	Khá	6.8	Khá	7.3	Khá	7.0
11	Trịnh Thị	Hằng	Kinh	x	02/08/1996	Bắc Trà My, Qnam	Dược	Khá	7.9	Khá	8.1	Khá	7.5	Khá	7.8
12	Cao Thị Thanh	Hương	Kinh	x	17/09/1996	Minh Hóa, QB	Dược	Khá	7.4	Khá	7.3	Khá	7.3	TB	7.3
13	Nguyễn Thị	Lan	Kinh	x	22/04/1996	Hương Khê - Hà Tĩnh	Dược	Khá	6.6	Khá	6.7	Khá	6.9	TB	6.7
14	Nguyễn Thị	Lệ	Kinh	x	07/08/1996	Ia Grai, Gia Lai	Dược	Khá	6.5	Khá	6.8	TB	6.7	TB	6.7
15	Nguyễn Thị Mai	Lý	Kinh	x	29/04/1996	Sông Hinh, Phú Yên	Dược	Giỏi	8.0	Khá	7.6	Khá	7.5	Khá	7.7
16	Cao Thị Quỳnh	Như	Kinh	x	16/03/1996	Minh Hóa, QB	Dược	TB	6.5	Khá	6.7	Khá	6.9	TB	6.7
17	Lê Thị Hồng	Nhung	Kinh	x	28/09/1996	Vũ Quang - Hà Tĩnh	Dược	Khá	6.7	Khá	6.8	Khá	7.5	TB	7.0
18	Nguyễn Thị	Oanh	Kinh	x	11/08/1996	Vũ Quang - Hà Tĩnh	Dược	Khá	7.0	Khá	7.1	Khá	7.6	Khá	7.2
19	Đỗ Công	Thành	Kinh		14/09/1996	Đakrông, QT	Dược	Khá	7.1	Khá	7.5	Khá	7.3	TB	7.3
20	Đinh	Thương	BarNar		01/01/1996	Kông Chro, Gia Lai	Dược	Khá	7.1	Khá	7.5	Khá	7.1	TB	7.2
21	Phan Thị Ánh	Tuyết	Kinh	x	02/10/1996	Ia Grai, Gia Lai	Dược	Khá	7.1	Khá	7.4	Khá	7.5	TB	7.3

22	Nông Thanh	Hiếu	Tày		26/12/1996	Sông Hinh, Phú Yên	Xét nghiệm	TB	6.8	Khá	6.9	Khá	7.1	TB	6.9
23	Nguyễn Hồ	Huy	Kinh		09/09/1996	Phước Sơn, Qnam	Xét nghiệm	TB	6.0	TB	5.8	TB	5.7	TB	5.8
24	Hoàng Văn	Thạch	Tày		21/03/1993	Sông Hinh, Phú Yên	Xét nghiệm	TB	5.1	TB	5.2	TB	6.0	TB	5.4

**** Ghi chú:***

Những thí sinh trên phải học bổ sung kiến thức 01 năm tại trường Đại học dự bị Đại học 01 năm trước khi được xét vào học chính thức tại trường Cao đẳng Y tế Huế